BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CIE 396 A

0.2 0.25 0.55

STT	Mã_Sinh_Viên	Họ_Lót	Tên	Ngày_Sinh	CC 20%	Đồ án Nhóm (25%)	Cuối kì (55%)	Tổng kết	Nhóm	Chuyên cần	Tổng số buổi vắng quy đổi	Báo cáo 1	Báo cáo 2	Điểm Đồ án nhóm	Thử tải
1	2011616046	Trần Anh	Phi	10/5/1996	7.0	4.30	6.4	6.0	1	7	3	0.0	8	5.3	7.5
2	2021626788	Nguyễn Đình	Thi	5/8/1996	10.0	4.80	7.0	7.1	1	10	0	0.0	8	5.3	7.5
3	2011618345	Nguyễn Thái	Dũng	24/03/1994	6.0	4.00	6.2	5.6	1	6	4	0.0	8	5.3	7.5
4	2011618360	Trần Công	Sỹ	16/11/1996	8.0	4.40	6.6	6.3	1	8	2	0.0	8	5.3	7.5
5	2011614001	Phan Thanh	Đông	19/11/1996	8.0	4.40	6.5	6.3	1	8	2	0.0	8	5.3	7.5
6	2011613554	Nguyễn Minh	Quyền	11/8/1996	7.0	4.50	6.3	6.0	1	7	3	0.0	8	5.3	7.5
7	1821624070	Bùi Văn	Thanh	8/12/1993	10.0	8.30	7.7	8.3	2	10	0	6.6	9.5	8.5	8
8	1921629440	Nguyễn Văn	Phước	11/3/1995	10.0	8.10	7.6	8.2	2	10	0	6.6	9.5	8.5	8
9	1921610954	Trần	Quang	5/9/1994	10.0	8.40	8.0	8.5	2	10	0	6.6	9.5	8.5	8
10	1921629192	Nguyễn Hữu	Đệ	14/04/1994	9.0	7.90	7.4	7.8	2	9	1	6.6	9.5	8.5	8
11	1921129634	Nguyễn Đình	Lanh	19/09/1994	10.0	8.30	7.7	8.3	2	10	0	6.6	9.5	8.5	8
12	1921623475	Lê Minh	Quang	7/4/1994	10.0	8.30	7.7	8.3	2	10	0	6.6	9.5	8.5	8
13	2021616713	Lê Ngọc	Bình	2/4/1996	10.0	7.90	9.4	9.1	3	10	0	7.1	8.5	8.0	9.5
14	2021625002	Đỗ Thành	Chung	25/02/1994	10.0	8.00	9.4	9.2	3	10	0	7.1	8.5	8.0	9.5
15	2010612921	Nguyễn Công	Huệ	8/5/1996	6.0	6.90	8.4	7.5	3	6	4	7.1	8.5	8.0	9.5
16	2021625077	Nguyễn Viết	Quảng	9/7/1996	9.0	7.60	9.0	8.7	3	9	1	7.1	8.5	8.0	9.5
17	2121619847	Lê Văn	Sinh	30/07/1994	10.0	7.90	9.4	9.1	3	10	0	7.1	8.5	8.0	9.5
18	2021624259	Thân Nguyễn Nhật	Hoàng	5/2/1996	9.5	7.80	9.3	9.0	3	9.5	0.5	7.1	8.5	8.0	9.5
19	2021626621	Trần Đức	Hoàng	4/12/1996	8.5	7.00	8.5	8.1	4	8.5	1.5	6.8	8	7.6	9
20	2021626889	Lê Thế	Hoành	4/11/1996	9.0	7.10	8.5	8.3	4	9	1	6.8	8	7.6	9
21	2020612987	Phạm Xuân	Huân	20/02/1996	9.0	7.10	8.5	8.3	4	9	1	6.8	8	7.6	9
22	2021515729	Trương Văn	Hùng	24/02/1996	9.0	7.10	8.5	8.3	4	9	1	6.8	8	7.6	9
23	2021627374	Phạm Công	Trung	20/06/1996	6.5	7.00	8.0	7.5	4	6.5	3.5	6.8	8	7.6	9
24	2021628296	Võ Thế	Hiển	6/9/1993	9.0	7.10	8.5	8.3	4	9	1	6.8	8	7.6	9
25	2021616653	Hồ Văn	Phát	12/6/1996	10.0	6.60	8.2	8.2	6	10	0	6.7	7	6.9	8.5
26	2021615970	Nguyễn Gia	Phúc	8/8/1996	9.5	6.60	8.2	8.1	6	9.5	0.5	6.7	7	6.9	8.5
27	2021615088	Võ Văn	Nghĩa	20/11/1996	10.0	6.70	8.3	8.2	6	10	0	6.7	7	6.9	8.5
28	2021614114	Trương Mạnh	Hiếu	10/1/1996	10.0	6.70	8.3	8.2	6	10	0	6.7	7	6.9	8.5

STT	Mã_Sinh_Viên	Họ_Lót	Tên	Ngày_Sinh	CC 20%	Đồ án Nhóm (25%)	Cuối kì (55%)	Tổng kết	Nhóm	Chuyên cần	Tổng số buổi vắng quy đổi	Báo cáo 1	Báo cáo 2	Điểm Đồ án nhóm	Thử tải
29	2020712765	Nguyễn Minh	Xuân	26/11/1996	8.5	6.40	8.0	7.7	6	8.5	1.5	6.7	7	6.9	8.5
30	2021613646	Nguyễn Nhật	Nguyên	8/3/1996	7.0	6.00	7.6	7.1	6	7	3	6.7	7	6.9	8.5
31	2021626637	Nguyễn Văn	Đông	29/11/1996	9.5	5.90	9.8	8.8	7	9.5	0.5	7.5	5.5	6.2	10
32	2021626131	Nguyễn Tấn	Hiếu	18/09/1995	9.0	5.80	9.7	8.6	7	9	1	7.5	5.5	6.2	10
33	2020624708	Phan Lê Công	Thành	1/1/1996	10.0	6.00	9.9	8.9	7	10	0	7.5	5.5	6.2	10
34	2021628083	Lê Hoàng	Vũ	15/08/1996	10.0	6.00	9.9	8.9	7	10	0	7.5	5.5	6.2	10
35	2021626601	Ngô Quốc	Đạt	11/11/1995	9.0	5.80	9.7	8.6	7	9	1	7.5	5.5	6.2	10
36	2021624796	Đỗ Quang	Tiến	29/01/1996	10.0	6.10	9.9	9.0	7	10	0	7.5	5.5	6.2	10
37	2021616426	Đàm Văn	Đức	14/09/1996	8.5	7.50	7.4	7.6	8	8.5	1.5	7.2	8.5	8.1	8
38	2021617050	Nguyễn Anh	Đức	13/08/1995	9.0	7.50	7.5	7.8	8	9	1	7.2	8.5	8.1	8
39	2021616310	Nguyễn Đình	Nghĩa	23/11/1996	7.5	7.30	7.2	7.3	8	7.5	2.5	7.2	8.5	8.1	8
40	2021615727	Phan Minh	Hiếu	2/12/1996	9.0	7.50	7.5	7.8	8	9	1	7.2	8.5	8.1	8
41	2021610722	Nguyễn Thành	Đạt	1/1/1996	8.0	7.50	7.3	7.5	8	8	2	7.2	8.5	8.1	8
42	2021617323	Phan Thành	Quốc	22/07/1996	8.5	7.50	7.4	7.6	8	8.5	1.5	7.2	8.5	8.1	8
43	2020612744	Đinh Tiến	Dũng	29/01/1996	9.0	7.50	7.0	7.5	9	9	1	6.8	8.5	7.9	7.5
44	2021617183	Lê Hoàng	Hà	26/04/1996	10.0	7.70	7.2	7.9	9	10	0	6.8	8.5	7.9	7.5
45	2020714204	Nguyễn Phương	Tài	5/4/1995	8.0	7.30	6.8	7.2	9	8	2	6.8	8.5	7.9	7.5
46	2021250651	Nguyễn Trung	Thịnh	18/02/1996	10.0	7.90	7.5	8.1	9	10	0	6.8	8.5	7.9	7.5
47	2021616863	Hoàng Thành	Trung	21/01/1996	10.0	7.70	7.3	7.9	9	10	0	6.8	8.5	7.9	7.5
48	1821626007	Nguyễn Đức	Thông	16/03/1994	9.0	7.50	7.1	7.6	9	9	1	6.8	8.5	7.9	7.5
49	1921618142	Lê Phú	Thịnh	29/08/1993	10.0	8.60	7.9	8.5	10	10	0	9.0	8.5	8.7	8
50	1921619163	Trần Văn	Thời	1/1/1991	10.0	8.60	7.9	8.5	10	10	0	9.0	8.5	8.7	8
51	1821613521	Nguyễn Minh	Tuấn	23/05/1993	9.0	8.30	7.6	8.1	10	9	1	9.0	8.5	8.7	8
52	1921613466	Lê Trường	Nhất	21/03/1994	10.0	8.60	7.9	8.5	10	10	0	9.0	8.5	8.7	8
53	1921610975	Nguyễn Anh	Hoàn	12/8/1994	8.0	8.20	7.5	7.8	10	8	2	9.0	8.5	8.7	8
54	2121619848	Lâm Đăng	Khoa	17/11/1994	0.0	0.00	0.0	0.0	10	4	6	9.0	8.5	8.7	8
55	1821615998	Lê Hà	Nam	4/1/1993	8.0	7.80	7.1	7.5	5	8	2	4.0	10	8.0	7.5
56	2021615744	Phạm Viết Hoàng	Phúc	12/1/1996	0.0	0.00	0.0	0.0	5	3	7	4.0	10	8.0	7.5
57	1921629574	Nguyễn Văn	Quốc	16/07/1994	0.0	0.00	0.0	0.0	5	3	7	4.0	10	8.0	7.5
58	2021627633	Đinh Phú	Quốc	26/07/1996	6.0	6.10	5.6	5.8	5	6	4	4.0	10	8.0	7.5
59	2011617171	Trần Minh	Triết	19/09/1995	6.5	6.90	6.4	6.5	5	6.5	3.5	4.0	10	8.0	7.5
60	172217314	Nguyễn Ngọc	Tú	20/11/1992	6.0	6.80	6.5	6.5	5	6	4	4.0	10	8.0	7.5
61	1821614010	Huỳnh Tuấn	Phong		6.0	6.50	6.0	6.1	5	6	4	4.0	10	8.0	7.5